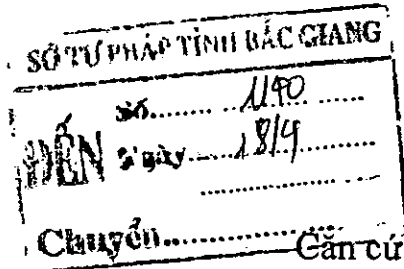


Số: 03/2014/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình ở các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014 - 2016



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Theo Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh đề nghị ban hành Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình ở các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2016 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-KTNS ngày 10/4/2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình ở các xã được lựa chọn thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*Danh sách các xã cụ thể theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh*) như sau:

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý hỗ trợ theo quy định này chỉ hỗ trợ một phần chi phí đầu tư; phần còn lại thuộc ngân sách cấp huyện, thành phố, ngân sách xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác do HĐND cùng cấp xem xét quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế, khả năng của ngân sách địa phương và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Các công trình được hỗ trợ đầu tư phải phù hợp với quy hoạch xây

dựng nông thôn mới của xã; nằm trong danh mục đầu tư thuộc đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt; nằm trong kế hoạch giao vốn hàng năm.

2. Nội dung hỗ trợ:

- a) Đường giao thông;
- b) Công trình thủy lợi;
- c) Công trình văn hoá;
- d) Công trình thể thao;
- e) Trụ sở HĐND, UBND xã;
- g) Công trình thu gom, xử lý rác thải;
- h) Nghĩa trang nhân dân;
- i) Phòng học, phòng chức năng;
- k) Trạm y tế.

3. Mức hỗ trợ:

a) Đối với các xã trên địa bàn huyện Sơn Động thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ được hỗ trợ 100% cho các hạng mục công trình quy định tại điểm b dưới đây (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng).

b) Đối với các xã còn lại

b.1) Hỗ trợ công trình xây dựng mới:

TT	CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TỐI THIỂU	MỨC HỖ TRỢ
1	Đường Giao thông		
1.1	Cứng hoá đường trục xã, liên xã	Mặt đường BTXM 250#; dày 25 cm, rộng 5,0 m;	1.300 triệu đồng/km
1.2	Cứng hoá đường trục thôn, xóm	Mặt đường BTXM 200#; dày 20 cm, rộng 3,0 m;	370 triệu đồng/km
1.3	Cứng hoá đường ngõ, xóm	Mặt đường BTXM 200#; dày 20 cm, rộng 2,5 m;	320 triệu đồng/km
1.4	Cứng hóa đường trục chính nội đồng	Nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM 200#; dày 20 cm, rộng 2,5 m;	320 triệu đồng/km
-2-	Công trình-Thủy lợi		
	Cứng hóa kênh cấp III do xã quản lý	Tường xây gạch 75-100# dày 22cm; đáy xây gạch, dày 15cm, láng vữa XM hoặc đáy BTXM 150#	350 triệu đồng/km

3	Công trình văn hóa		
3.1	Xây mới nhà văn hóa xã	Nhà 01 tầng, mái bằng hoặc mái tôn, diện tích sàn xây dựng 400 m ² , kết cấu khung BTCT chịu lực hoặc tường chịu lực, tường bao xây gạch chỉ, có phòng chức năng và công trình phụ trợ theo quy định.	1.500 triệu đồng/nhà
3.2	Xây mới nhà văn hóa thôn, bản	Nhà 01 tầng, mái bằng hoặc mái tôn, diện tích sàn xây dựng 120 m ² , kết cấu khung BTCT chịu lực hoặc tường chịu lực, tường bao xây gạch chỉ, có công trình phụ trợ theo quy định.	250 triệu đồng/nhà
4	Công trình thể thao		
4.1	Xây mới khu thể thao xã	Diện tích 8.000-12.000 m ² . Sân đất tạo phẳng, đầm nén hệ số K=0,85; có rãnh tiêu nước và tường bao xung quanh, có xây khán đài.	1.000 triệu đồng/khu
4.2	Xây mới khu thể thao thôn, bản	Diện tích 3.000 m ² . Sân đất tạo phẳng, đầm nén hệ số K=0,85; có rãnh tiêu nước và tường bao xung quanh	200 triệu đồng/khu
5	Trụ sở HĐND, UBND xã	Nhà 02 - 03 tầng, diện tích sàn xây dựng 800 - 850 m ² , kết cấu khung BTCT chịu lực, tường bao xây gạch chỉ.	2.500 triệu đồng/trụ sở
6	Xử lý rác thải		
6.1	Điểm thu gom rác tập trung tại thôn, bản	Xây dựng điểm thu gom tập trung, diện tích 100 m ² , có xây tường bao; xe thô sơ, gắn máy chở rác.	100 triệu đồng/hố
6.2	Hỗ trợ xử lý rác bằng lò đốt rác (bao gồm cả xe vận tải ben chở rác)	Công suất 10 tấn rác/ngày, đêm	2.500 triệu đồng/lò
7	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn, liên thôn	Xây dựng cổng nghĩa trang, đường nội bộ và tường bao xung quanh.	150 triệu đồng/nghĩa trang
8	Phòng học, phòng chức năng		
8.1	Xây dựng mới phòng học, phòng chức năng Trường Mầm non trung tâm	Phòng học, phòng chức năng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	200 triệu đồng/phòng

8.2	Xây dựng mới phòng học, phòng chức năng Trường Tiểu học	Phòng học, phòng chức năng đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	150 triệu đồng/phòng
8.3	Xây dựng mới phòng học, phòng chức năng Trường Trung học cơ sở	Phòng học, phòng chức năng đạt chuẩn quốc gia	150 triệu đồng/phòng

Hạng mục 1.4: Cứng hóa đường trục chính nội đồng chỉ thực hiện hỗ trợ ngoài đối tượng quy định theo Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh.

Đối với các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế áp dụng hệ số điều chỉnh vùng $K=1,2$ so với mức bình quân chung của các huyện, thành phố còn lại cho các hạng mục công trình: Đường giao thông, công trình thủy lợi.

b.2) Hỗ trợ công trình cải tạo, nâng cấp:

Các công trình cải tạo, nâng cấp được hỗ trợ 50% theo giá trị xây dựng quyết toán công trình được duyệt, nhưng không quá mức hỗ trợ quy định tối đa dưới đây:

TT	CÔNG TRÌNH	QUY MÔ, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	MỨC HỖ TRỢ TỐI ĐA
1	Trụ sở UBND	Cải tạo, nâng cấp trụ sở đảm bảo quy định hiện hành	500 triệu đồng/trụ sở
2	Trạm Y tế	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế đảm bảo đạt chuẩn quốc gia về Y tế giai đoạn 2.	200 triệu đồng/trạm
3	Nhà văn hóa		
3.1	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa xã	Cải tạo, nâng cấp công trình hiện có để đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	500 triệu đồng/nhà
3.2	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa hoặc công trình dùng làm nhà văn hóa thôn, bản.	Cải tạo, nâng cấp công trình hiện có để đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	100 triệu đồng/nhà
4	Khu thể thao		
4.1	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao xã	Cải tạo, nâng cấp công trình hiện có để đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	300 triệu đồng/khu
4.2	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao thôn, bản	Cải tạo, nâng cấp công trình hiện có để đạt chuẩn theo Quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	100 triệu đồng/khu

4. Nguồn vốn hỗ trợ:

Nguồn ngân sách do tỉnh quản lý (bao gồm: nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn tín dụng ưu đãi).

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua. Thời điểm áp dụng từ ngày 01/01/2014 đến hết ngày 31/12/2016 và thay thế Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh.

Các hạng mục công trình đã khởi công trước năm 2014 vẫn áp dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Giao cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; KH&ĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - XH tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH-TT.

Bản điện tử:

- Lãnh đạo, Chuyên viên Văn phòng.

CHỦ TỊCH



Thân Văn Khoa

